

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS-PT
Ngày 17-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dừa.

Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 127/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lâm Khắc S, Văn phòng luật sư Lâm Khắc S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Sơn Thị T1, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người phiên dịch: Ông Kim Hồng P – Công tác tại Trường dân tộc nội trú

huyện C làm phiên dịch tiếng Khmer (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Bé T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bà Lê Thị Bé T trình bày: Tháng 7 năm 2017 bà có cho Bà Sơn Thị T1 vay số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, sau đó bà T1 vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng để cho con đi lao động ở Nhật, đến ngày 28/8/2017 bà T1 viết biên nhận nợ bà tổng số tiền 200.000.000 đồng. Đến tháng 9 năm 2017 bà T1 trả vốn gốc được 100.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T1, trả cho bà tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày 01/8/2019 là 23 tháng, lãi suất 2%/tháng bằng 46.000.000 đồng.

Theo đơn phản tố ngày 19 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Bà Sơn Thị T1 trình bày: Trong tháng 7 năm 2017 bà có vay của bà T số tiền 130.000.000 đồng, có biên nhận, lãi suất 01 ngày bằng 4.000 đồng/1.000.000 đồng, mười ngày đóng lãi một lần bà không có tiền đóng lãi khoảng 25 ngày nên bà T tính lãi bà thiếu và cộng thêm tiền mua cà phê, mua đường, tiền mượn đi đám tổng cộng là 20.000.000 đồng, cộng với vốn gốc 130.000.000 đồng bằng 150.000.000 đồng, bà có viết biên nhận cho bà T nhưng không có lấy lại biên nhận 130.000.000 đồng. Khoảng một tháng sau, kể từ ngày viết biên nhận 150.000.000 đồng bà có mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng thì bà T tính tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng bằng 18.000.000 đồng và đưa cho bà 32.000.000 đồng nhưng tính 50.000.000 đồng và viết biên nhận chung là 200.000.000 đồng, bà không có lấy lại biên nhận 150.000.000 đồng. Tháng 9 năm 2017 bà trả cho bà T được 100.000.000 đồng, không có biên nhận. Đến ngày 02/11/2017 bà vay được số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T, bà trả cho bà T tại Ngân hàng 200.000.000 đồng. Sau đó, bà tính lại thì bà T lấy thừa tiền của bà là 46.240.000 đồng. Ngoài ra, lúc bà trả nợ cho Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để chuyển thổ cư và làm sổ hữu nhà thì bà T giới thiệu người làm

giấy cho bà tên H và bà đưa cho ông H số tiền 28.000.000 đồng. Sau đó, ông H trả lại 16.000.000 đồng giao cho bà T và tại Bưu điện tỉnh T bà T lấy của bà 5.000.000 đồng, như vậy bà T giữ của bà số tiền 21.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản bà T thiếu lại bà là 67.240.000 đồng. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời, yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền 67.240.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Bé T, yêu cầu Bà Sơn Thị T1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi 46.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Sơn Thị T1. Buộc Bà Lê Thị Bé T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Sơn Thị T1 số tiền 67.240.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 Bà Lê Thị Bé T kháng cáo, yêu cầu Bà Sơn Thị T1 trả cho bà số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 46.000.000 đồng. Không đồng ý trả cho Bà Sơn Thị T1 số tiền 67.240.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, trình bày: Bà T có cho bà T1 vay tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng và ngày 28/8/2017 bà T1 có viết biên nhận nợ, trong đơn khởi kiện và lời khai của bà T có khai tháng 9 năm 2017 bà T1 trả 100.000.000 đồng là do nhầm lẫn, chứ bà T1 không có trả cho bà T 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T1 thừa nhận bà T có đóng thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C số tiền khoản 15.000.000 đồng và thanh toán trả góp VPBank (FE) tại Viễn thông A.vn cho bà T1 số tiền 40.528.000 đồng, nhưng bà T1 cho rằng đã tính trong biên nhận ngày 28/8/2017 là không có căn cứ, vì việc bà T đóng thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất cho bà T1 là sau ngày bà T1 viết biên nhận nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà T.

- Nguyên đơn Bà Lê Thị Bé T thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn đã trình bày nêu trên.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị Bé T còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Lê Thị Bé T kháng cáo, yêu cầu Bà Sơn Thị T1 trả cho bà số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 46.000.000 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị Bé T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, biên bản hòa giải ngày 18/9/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì bà T khai trong tháng 7 năm 2017 bà có cho bà T1 vay 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, đến ngày 28/8/2017 bà T1 viết biên nhận nợ bà 200.000.000 đồng, đến tháng 9 năm 2017 bà T1 trả vốn gốc được 100.000.000 đồng không có làm biên nhận, còn nợ lại 100.000.000 đồng chưa trả (bút lục số 01, 19, 20, 21, 25, 26). Tại biên bản phiên tòa ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà T thừa nhận có nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà

T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh Trà Vinh, lời khai này của bà T phù hợp với lời khai của ông Hứa Minh Hoàng K là cán bộ của Ngân hàng. Nhưng bà T cho rằng, số tiền 200.000.000 đồng bà đã trừ vào số tiền 100.000.000 đồng tiền mà bà T1 mượn nhiều lần không có làm biên nhận, còn lại 100.000.000 đồng trừ vào số tiền mà bà T1 mượn 200.000.000 đồng có biên nhận ngày 28/8/2017 nên bà T1 còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng. Bà T cho rằng, trong đơn khởi kiện và lời khai của bà tại cấp sơ thẩm tháng 9 năm 2017 bà T1 trả vốn gốc được 100.000.000 đồng không có làm biên nhận là do bà mượn người đánh máy đơn khởi kiện ghi sai, bà không có kiểm tra lại và do bà khai nhầm lẫn chứ tháng 9 năm 2017 bà T1 không có trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Xét lời khai của bà T có mâu thuẫn với nhau nên không có cơ sở để xem xét, đồng thời bà T không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, còn bà T1 thì không thừa nhận lời khai của bà T. Như vậy, có cơ sở để khẳng định bà T1 đã trả tiền vay cho bà T xong, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị Bé T, không đồng ý trả cho Bà Sơn Thị T1 số tiền 67.240.000 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị Bé T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ngày 28/8/2017 bà T1 viết biên nhận nợ bà T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01 ngày bằng 4.000 đồng/1.000.000 đồng (tức 0,4%/ngày), đến tháng 9 năm 2017 bà T1 trả 100.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng trừ tiền lãi là 24.000.000 đồng ($200.000.000 \times 0,4\% \times 30 \text{ ngày} = 24.000.000\text{đ}$) còn lại 76.000.000 đồng trừ vào vốn gốc, như vậy bà T1 còn nợ vốn gốc của bà T là 124.000.000 đồng ($200.000.000\text{đ} - 76.000.000.000\text{đ} = 124.000.000\text{đ}$). Đến tháng 11 năm 2017 tiền lãi của số tiền 124.000.000 đồng là 29.760.000 đồng $\{(124.000.000\text{đ} \times 0,4\% \times 60 \text{ ngày (02 tháng)} = 29.760.000\text{đ}\}$. Số tiền lãi 29.760.000 đồng cộng với vốn gốc 124.000.000 đồng bằng 153.760.000 đồng. Như nhận định ở phần [2] thì bà T có nhận của bà T1 tại Ngân hàng là 200.000.000 đồng, do đó số tiền 200.000.000 đồng mà bà T nhận của bà T1 tại Ngân hàng được trừ vào số tiền 153.760.000 đồng nên số tiền bà T1 trả dư cho bà T là 46.240.000 đồng ($200.000.000\text{đ} -$

153.760.000đ = 46.240.000đ). Ngoài ra, bà T còn thừa nhận có nhận của bà T1 tiền chi phí làm giấy sở hữu nhà là 21.000.000 đồng. Tổng hai khoản tiền là 67.240.000 đồng. Do đó, bà T phải thanh toán cho bà T1 số tiền 67.240.000 đồng.

[4] Bà T cho rằng, trong năm 2017 bà đã thanh toán cho bà T1 tiền đóng thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C số tiền khoản 15.000.000 đồng và thanh toán trả góp VPBank (FE) tại Viễn thông A.vn cho bà T1 số tiền 40.528.000 đồng, tổng 02 khoản tiền là 55.528.000 đồng. Tại Công văn số: 03/NHNo.CTh-KTNQ.m ngày 10/6/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C xác nhận, ngày 18/8/2017 Agribank Chi nhánh C có thu thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất theo thông báo số: 1052/TB-CCT ngày 15/9/2017 với số tiền 12.150.000 đồng của ông Thạch S và ngày 03/10/2017 Agribank Chi nhánh C có thu lệ phí trước bạ nhà đất theo thông báo số: 1072/TB-CCT ngày 29/9/2017 với số tiền 1.991.000 đồng của ông Thạch S, như vậy bà T có thanh toán 02 khoản tiền cho bà T1 là 14.141.000 đồng, ngoài ra bà T còn thanh toán trả góp VPBank (FE) tại Viễn thông A.vn cho bà T1 số tiền 40.528.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bà T1 thừa nhận bà T có thanh toán cho bà 02 khoản tiền trên, nhưng số tiền 54.669.000 đồng đã được tính trong số tiền 200.000.000 đồng được ghi biên nhận ngày 28/8/2017. Xét thấy, trên thực tế bà T có thanh toán số tiền 54.669.000 đồng thay cho bà T1 tại Agribank Chi nhánh C và Viễn thông A.vn, sự việc này bà T1 cũng thừa nhận, nhưng bà T1 cho rằng đã được tính chung trong biên nhận 200.000.000 đồng ngày 28/8/2017. Xét ngoài lời khai ra, bà T1 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tiền 54.669.000 đồng được tính chung trong biên nhận 200.000.000 đồng ngày 28/8/2017 nên bà T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 54.669.000 đồng. Mặt khác, bà T1 ghi biên nhận nợ cho bà T là ngày 28/8/2017, còn bà T đóng thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất cho bà T1 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C là ngày 18/9/2017 và ngày 03/10/2017 và thanh toán trả góp

VPBank (FE) tại Viễn thông A.vn là ngày 27/10/2017, như vậy bà T đóng thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất cho bà T1 là sau ngày bà T1 viết biên nhận nợ.

Như nhận định ở phần [3], thì bà T phải thanh toán cho bà T1 số tiền 67.240.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền bà T1 phải thanh toán cho bà T là 54.669.000 đồng. Sau khi căn trừ, thì bà T phải thanh toán cho bà T1 số tiền 12.571.000 đồng.

[5] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận một phần; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị Bé T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Bé T, yêu cầu Bà Sơn Thị T1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Sơn Thị T1.

3. Buộc Bà Lê Thị Bé T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Sơn Thị T1 số tiền 12.571.000 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm bảy mươi một ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Lê Thị Bé T phải chịu 7.928.550 đồng (*Bảy triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 3.650.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0005104 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên Bà Lê Thị Bé T phải nộp tiếp 4.278.550 đồng (*Bốn triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Bà Lê Thị Bé T 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006736 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Văn Hoàng Vân

